

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2020/HS-ST
Ngày: 16.9.2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Nga.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Huyền và bà Dương Thị Hữu.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thị Lượng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Hưng, Kiểm sát viên.

Vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn T**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 19/02/2002 tại huyện M, tỉnh Điện Biên; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Bản L, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên; dân tộc: Thái; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; con ông: Lò Văn H, sinh năm: 1982; con bà: Quàng Thị D, sinh năm 1983; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/7/2020 đến ngày 08/7/2020, tạm giam từ ngày 08/7/2020 tại Nhà tạm giữ của Công an huyện Tuần Giáo cho đến nay, bị cáo được trích xuất áp giải đến phiên tòa.

* **Bị hại:** Họ và tên: Lường Văn T; sinh năm: 1982; trú tại: Bản L, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên; có mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Họ và tên: Quàng Thị D; sinh năm: 1983; trú tại: Bản L, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 05/7/2020, Lò Văn T một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, Jupiter, màu sơn đen xám, biển kiểm soát 27Z1-188.30 của bà Quàng Thị D là mẹ đẻ của T từ nhà ở bản L, xã C để đi chơi game. Khi đi đến nhà anh Lương Văn T; sinh năm 1982 trú cùng bản với bị cáo, bị cáo quan sát thấy không có ai ở nhà nên bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của nhà anh T. Bị cáo T đã trèo tường của nhà giáp với nhà anh T để sang nhà anh T, sau khi vào trong nhà T đã đến giường ngủ và lật đệm ở cuối giường thấy có 01 cái ví, T đã mở ví ra và lấy 01 tờ tiền có mệnh giá 200.000đ đút vào túi quần đang mặc. Sau đó T đi xuống bếp nhà anh T lấy 01 con dao thái chặt bằng kim loại có kích thước khoảng 30,5×08cm của gia đình anh T lên và cạy tủ gỗ, khi cạy được cánh tủ bị cáo thấy có 03 ngăn theo chiều dọc, T nhìn lên ngăn đầu tiên trên cùng có 03 tập tiền trong đó có 01 tập tiền mệnh giá 500.000đ, 02 tập tiền mệnh giá 5.000đ và thấy có nhiều dây chuyền và nhẫn bằng bạc; bị cáo đã lấy 03 tập tiền và 01 sợi dây kim loại bằng bạc dạng mắt xích tròn 02 đầu dây có hình đầu con rồng, trên móc giữ hai đầu có treo thêm 01 khối kim loại màu bạc hình con chim, ở hai chân con chim có đính 02 cục chất liệu màu đỏ; T đã cất tất cả tiền và dây bạc vào trong túi quần đang mặc trên người; khi lấy 03 cọc tiền Thành không đếm tổng số tiền là bao nhiêu; tiếp đó T nhìn xuống ngăn thứ hai ở giữa của tủ thì không có tài sản gì; T lại nhìn xuống ngăn dưới cùng thì thấy có 01 con lợn bằng sứ màu đỏ đựng tiền tiết kiệm của gia đình anh T; T cầm lấy con lợn sứ lên và lắc nghe thấy bên trong con lợn có nhiều tiền; T lấy luôn con lợn sứ sau đó T đi ra bếp mở cửa và đi ra ngoài lấy xe máy và đi về nhà. Khi về nhà T đã đem con lợn tiết kiệm ra bờ suối đập ra xem thì thấy bên trong có rất nhiều tiền gồm nhiều mệnh giá khác nhau nhưng T không đếm; sau đó T đi về nhà và lấy ra một ít tiền cho vào ví để sử dụng, số tiền còn lại cùng dây chuyền bạc thì T giấu dưới đệm ngủ của T, sau đó T thấy hành vi trộm cắp của mình là sai và sẽ bị bắt nên đã đến Ủy ban nhân dân xã Chiềng Sinh để đầu thú và giao nộp lại toàn bộ số tiền là 56.825.000đ (Trong đó tiền của Thành có từ trước là 1.050.000đ; còn lại là số tiền T đã trộm cắp của gia đình anh Tâm là 55.775.000đ) và 01 sợi dây chuyền bằng bạc. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuần Giáo đã tạm giữ vật chứng và tạm giữ bị cáo để điều tra làm rõ.

Ngày 10/7/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Tuần Giáo đã ra Yêu cầu định giá tài sản số: 25 để trưng cầu định giá số tài sản do bị cáo trộm cắp. Tại bản kết luận giá trị tài sản số: 475/KL-ĐGTS ngày 10/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản đã kết luận: 01 dây chuyền bạc, khối lượng 6,2 (Sáu phẩy hai) cây = 232,87 gam (Hai trăm ba mươi hai phẩy tám mươi bảy) có giá trị là 3.720.000đ (*Ba triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng*).

Tại Cáo trạng số: 63/CT-VKS-TG ngày 26/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đã truy tố bị cáo Lò Văn Thành về tội: Trộm cắp tài sản, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét

xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Áp dụng khoản 5 Điều 173 BLHS không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo. Về phần bồi thường thiệt hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không giải quyết. Về vật chứng đề nghị áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS: **01 ví da màu đen (đã qua sử dụng), bị cáo dùng để cất giấu tài sản trộm cắp được, ví không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy**; 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA, Jupiter, màu xám đen, biển kiểm soát 27Z1-188.30, số máy E3S1E059330, số khung 1340GY027479 (xe đã qua sử dụng); 01 chứng nhận đăng ký xe máy số 010550 mang tên Quảng Thị D đề nghị tuyên trả lại cho chị Quảng Thị D; trả lại anh Lường Văn T 01 con dao chặt bằng kim loại có kích thước 30,5×08cm. Trả lại cho bị cáo số tiền 1.050.000đ do không liên quan đến hành vi phạm tội. Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Lò Văn T được miễn án phí HSST.

Tại đơn đề nghị và tại phiên tòa bị hại không yêu cầu bị cáo Lò Văn T phải bồi thường; tại phiên tòa bị hại anh Lường Văn T đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Tại phiên tòa, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận mình đã có hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi của bị cáo: Vào ngày 05/7/2020, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của gia đình anh Lường Văn T, bị cáo đã lén lút trộm cắp của anh T một số tài sản gồm: 55.775.000đ tiền mặt và 01 sợi dây chuyền bằng bạc có giá trị 3.720.000đ; tổng giá trị trộm cắp được là 59.495.000đ (*Năm mươi chín triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng*). Khi nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo đã ra đầu thú và giao lại toàn bộ số tài sản đã trộm cắp. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án; Kết luận vụ án và Cáo trạng. Hành vi của bị cáo Lò Văn T đã cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS. Bởi vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản nêu trên là hoàn toàn chính xác.

[2] Xét tính chất, mức độ vụ án thấy: Hành vi bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của anh Lường Văn T được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo khiến cho người dân lo lắng, tác động xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành

vì chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Bởi vậy, cần xử lý bị cáo nghiêm minh trước pháp luật.

[3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, đối với bị cáo thấy: Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và thẩm vấn công khai, cũng như đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Đại diện viện kiểm sát, bị hại thấy: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, khi nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật bị cáo đã ra đầu thú; bị hại đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; do đó Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 BLHS.

Xét nhân thân bị cáo thấy, bị cáo sinh ra và lớn lên tại xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên được bố mẹ cho ăn học hết lớp 9/12 rồi bỏ học ở nhà lao động sản xuất cùng gia đình. Ngày 05/7/2020 có hành vi trộm cắp tài sản, ngày 08/7/2020 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuần Giáo khởi tố. Bị cáo tuổi đời còn trẻ, có sức lao động nhưng không chịu khó lao động để có thu nhập phục vụ nhu cầu bản thân. Chỉ vì lòng tham, muốn có tiền một cách dễ dàng nên đã cố tình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản để có tiền phục vụ tiêu xài cá nhân mà dẫn đến hành vi phạm tội. Vì vậy để cải tạo bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội và gia đình cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo sửa chữa sai lầm của bản thân.

[4] Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tài sản của bị cáo thì thấy rằng bị cáo không có tài sản, bản thân bị cáo sống phụ thuộc gia đình, không có khả năng về kinh tế, không có điều kiện để thi hành án nên có thể không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS.

[5] Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù; Hội đồng xét xử xét thấy không phù hợp với tính chất, mức độ hành vi, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo nên không chấp nhận.

[6] Đối với phần bồi thường dân sự: Anh Lương Văn T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng vụ án: Số tiền bị cáo trộm cắp của anh Lương Văn T đã được Cơ quan cảnh sát điều tra trả lại cho anh T là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA, Jupiter, màu xám đen, biển kiểm soát 27Z1-188.30, số máy E3S1E059330, số khung 1340GY027479 (xe đã qua sử dụng); 01 chứng nhận đăng ký xe máy số 010550 mang tên Quảng Thị D do trong quá trình bị cáo sử dụng xe chị D không biết vì vậy không được coi là phương tiện

dùng vào việc phạm tội cần trả lại cho chủ sở hữu là chị D; trả lại anh Lường Văn T 01 con dao chặt bằng kim loại có kích thước 30,5×08cm đây là tài sản của bị hại do đó cần trả lại cho chủ sở hữu. Trả cho bị cáo số tiền 1.050.000đ do không liên quan đến hành vi phạm tội, **01 ví da màu đen (đã qua sử dụng) bị cáo dùng để cất giấu tài sản trộm cắp được, ví không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.**

[9] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bị cáo đủ điều kiện miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Trong quá trình tiến hành tố tụng thấy rằng: Các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và bị cáo cũng không có ý kiến khiếu nại đối với các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Lò Văn T 30 (*Ba mươi*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/7/2020.

3. Vật chứng: Trả cho bà Quàng Thị Đ 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA, Jupiter, màu xám đen, biển kiểm soát 27Z1-188.30, số máy E3S1E059330, số khung 1340GY027479 (xe đã qua sử dụng) và 01 chứng nhận đăng ký xe máy số 010550 mang tên Quàng Thị D. Trả cho anh Lường Văn T 01 con dao chặt bằng kim loại có kích thước 30,5×08cm. Trả cho bị cáo số tiền 1.050.000đ, tịch thu của bị cáo **01 ví da màu đen (đã qua sử dụng) để tiêu hủy.** Đặc điểm vật chứng được ghi theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày **27/8/2020** giữa Công an huyện Tuần Giáo và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuần Giáo.

4. Án phí: Bị cáo Lò Văn T được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại Lường Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 16/9/2020). Chị Quàng

Thị D được quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi của chị D trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Công an huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- Sở tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Bị hại; đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga